

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2023
“Vấn tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thế Căn và bà Đinh Thanh Hoàn

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: ông Vương Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023. Tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Trần Thanh L, sinh năm 1988

Nơi thường trú: khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* chị Vy Thị T, sinh năm 1989

Nơi đăng ký thường trú: khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi ở hiện tại: thôn 10B, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2022 và bản tự khai ngày 15/11/2022 nguyên đơn anh Trần Thanh L trình bày:

Anh Trần Thanh L và chị Vy Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 10 năm 2008, tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H), thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh L vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tại cơ sở giam giữ khi về thì phát hiện chị T có tình cảm với người đàn ông khác; mặc dù, anh L đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, anh L và chị T đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Do vậy, anh L thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết cho anh L được ly hôn với chị Vy Thị T.

- Về con chung: anh Trần Thanh L và chị Vy Thị T có 02 (hai) con chung là Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 14/6/2009 và Trần Anh T, sinh ngày 11/6/2011. Từ năm 2016 chị T bỏ về ông bà ngoại sinh sống không quan tâm đến các con chung, hiện nay các con chung đang ở cùng với anh L tại khu 2, phường H, thành phố M. Do vậy, sau khi ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Á và cháu T cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: anh Trần Thanh L và chị Vy Thị T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/11/2022 bị đơn chị Vy Thị T trình bày:

Chị Vy Thị T và anh Trần Thanh L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào cuối năm 2008, tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H), thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi sống cùng ông bà nội tại khu 2, phường H, thành phố M; quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh L vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại cơ sở giam giữ 06 (sáu) năm, đến năm 2021 anh L được ra tù và cũng từ đó anh L thay đổi tính tình, lạnh nhạt với chị T và có tình cảm với người con gái khác, nên chị T đã bỏ về ở cùng mẹ đẻ được khoảng 05 tháng, trong thời gian đó hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; mặc dù, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh L làm đơn xin ly hôn, mặc dù chị T và anh L không còn tình cảm vợ chồng, nhưng do các con còn nhỏ nên chị T không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: chị Vy Thị T và anh Trần Thanh L có 02 (hai) con chung là Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 14/6/2009 và Trần Anh T, sinh ngày 11/6/2011. Từ khi chị T về sinh sống cùng mẹ đẻ tại thôn 10B, xã H, thành phố M thì các con chung ở cùng với anh L và ông bà nội tại khu 2, phường H, thành phố M. Nếu Tòa án giải quyết cho chị T và anh L ly hôn thì chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Á còn anh L là người nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, nên việc cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: chị Vy Thị T và anh Trần Thanh L không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Vy Thị T đã có bản tự khai trình bày quan điểm của mình, nhưng từ đó và cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Vy Thị T đã được Tòa án thông báo, triệu tập họp lệ nhiều lần theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị T vẫn không có mặt để thể hiện ý kiến của mình về vụ án.

Theo kết quả xác minh tại khu 2, phường H, thành phố M được biết: năm 2008 anh L và chị T kết hôn và chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh L tại khu 2, phường H, thành phố M. Khoảng năm 2015 anh L bị bắt vì có hành vi vi phạm pháp luật thì chị T cũng ít khi sinh sống tại địa phương, trong thời gian anh L chấp hành án các con chung của anh L và chị T sinh sống cùng ông bà nội, năm

2020 anh L chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương thì anh L trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, sau này anh L có gửi cháu Trần Thị Ngọc Á cho chị gái nuôi dưỡng, chăm sóc còn cháu Trần Anh T đang sinh sống cùng anh L. Từ khi anh L chấp hành xong án phạt tù đến nay là 02 năm thì chị T cũng vắng mặt khỏi địa phương chưa một lần quay về chung sống cùng anh L còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Vy Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; anh Trần Thanh L có đơn xin xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Các đương sự không có thỏa thuận gì về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử đã đảm bảo đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh L; về con chung: giao cháu Trần Thị Ngọc Á và cháu Trần Anh T cho anh Trần Thanh L nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: về quan hệ tranh chấp anh Trần Thanh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn, theo qui định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có đăng ký thường trú tại khu 2, phường H, thành phố M; nơi ở hiện tại: thôn 10B, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự, bị đơn chị Vy Thị T đã được Tòa án nhân dân thành phố M tổng đạt văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo qui định của pháp luật nhưng chị T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Anh Trần Thanh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt anh L và chị T theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn anh Trần Thanh L và bị đơn chị Vy Thị T kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn và thủ tục kết hôn theo quy định

tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng anh L, chị T trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra; nguyên nhân là do anh L vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tại cơ sở giam giữ khi về thì phát hiện chị T có tình cảm với người đàn ông khác; mặt khác, từ khi anh L chấp hành xong án phạt tù đến nay là 02 năm thì chị T cũng vắng mặt khỏi địa phương, cắt đứt quan hệ với nhau. Mặc dù, chị T đã có bản tự khai trình bày quan điểm của mình, khẳng định chị T và anh L không còn tình cảm vợ chồng. Nhưng không đồng ý ly hôn với lý do các con còn nhỏ, kể từ đó Tòa án đã được triệu tập họp lệ nhiều lần để giải quyết việc anh L xin ly hôn nhưng chị T vẫn cố tình vắng mặt không lý do, như vậy thể hiện chị T không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh L là có căn cứ phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: anh Trần Thanh L và chị Vy Thị T có 02 (hai) con chung là Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 14/6/2009 và Trần Anh T, sinh ngày 11/6/2011. Trong thời gian anh L đi chấp hành án thì các con chung ở cùng ông bà nội, sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương thì các con chung ở cùng với anh L tại khu 2, phường H, thành phố M, nhưng trong thời gian gần đây do bận công việc nên anh đã gửi cháu Á nhờ chị gái trông nom, chăm sóc phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; mặt khác, còn phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Vì vậy, việc tiếp tục giao con chung Trần Thị Ngọc Á và Trần Anh T cho anh L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hợp tình, hợp lý phù hợp với Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Trần Thanh L không yêu cầu chị Vy Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là quyền định đoạt của anh L nên cần chấp nhận.

[6] Chị Vy Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: anh Trần Thanh L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh L;

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Thanh L được ly hôn chị Vy Thị T.

2. Về con chung: giao con chung Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 14/6/2009 và Trần Anh T, sinh ngày 11/6/2011 cho anh Trần Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Vy Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: anh Trần Thanh L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0007659, ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M; anh L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố M;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường H, TP. M;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương